

Bản án số: 369/2021/HS-PT

Ngày 10 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đình Trung;

Ông Mai Anh Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 854/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Hoàng Văn M, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 25 tháng 06 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hoàng Văn M, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1983 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Ngõ D, xã An H, huyện An D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn M1 (đã chết) và bà Phạm Thị T; có vợ Vũ Thị Th, có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 23 tháng 10 năm 2019; tạm giữ từ ngày 24 tháng 10 năm 2019; thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 01 tháng 11 năm 2019; vắng mặt không có lý do chính đáng.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Hoàng Thị Th1 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua điều tra mở rộng vụ án “Lê Thanh Phong cùng đồng phạm mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”, Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố Hải Phòng đã xác định Hoàng Văn M, Hoàng Thị Th1 có dấu hiệu mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước. Ngày 22 tháng 10 năm 2019, Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố Hải Phòng đã khám xét khẩn cấp chỗ ở, nơi làm việc của Hoàng Văn M và Hoàng Thị Th1. Qua khám xét Cơ quan điều tra đã thu giữ được:

Tại nơi làm việc của Hoàng Thị Th1 ở số 6 đường Nguyễn Tr, phường Máy T1, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng, Cơ quan điều tra thu giữ 01 quyển sổ ghi chép cá nhân của Hoàng Thị Th1 màu đỏ, kích thước 8cm x13cm; 02 quyển séc do ngân hàng Vietcombank phát hành gồm 20 tờ đã ký tên giám đốc, đóng dấu công ty TNHH TMDV XNK Đức T2 (viết tắt là Công ty Đức T2); 07 tờ hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn GTGT) liên 2 đã ghi nội dung; 04 tờ Bảng kê chi tiết hàng hóa của Công ty TNHH TMDVVT XNK Toàn Th2 (viết tắt là Công ty Toàn Th2) và 01 biển Công ty Toàn Th2 có kích thước 30cm x40cm, nền màu xanh, chữ màu trắng.

Tại nơi ở của Hoàng Thị Th1 ở số 13/139 đường 208, xã An Đồng, huyện An D, thành phố Hải Phòng, Cơ quan điều tra thu giữ 19 tờ hóa đơn GTGT chưa ghi nội dung; 10 tờ hóa đơn GTGT đã ghi nội dung; 01 bộ dấu (dấu tròn và dấu chức danh giám đốc mang tên Ngô Thị Thúy Ng) của Công ty Toàn Th2; 01 bộ dấu (dấu tròn và dấu chức danh giám đốc mang tên Vũ Đoàn Đức) của Công ty Đức T2; 03 tờ giấy không có chữ ký, đóng dấu tròn và chức danh của giám đốc Công ty Đức T2; 01 tờ giấy nộp tiền mặt vào tài khoản của Công ty Đức T2; 03 tờ giấy rút tiền mặt của Công ty Đức T2 tại Ngân hàng BIDV chưa ghi nội dung; 01 tờ rút tiền mặt của Công ty Toàn Th2 tại Ngân hàng BIDV chưa ghi nội dung; 01 quyển sổ ghi chép cá nhân của Hoàng Thị Th1 có màu đỏ, kích thước 10cm x 13cm.

Tại nhà của Hoàng Văn M ở thôn Ngõ D, xã An Hòa, huyện An D, thành phố Hải Phòng, Cơ quan điều tra thu giữ 16 tờ hóa đơn GTGT của Công ty Toàn Th2; 01 quyển séc của Công ty Toàn Th2 của Ngân hàng ACB đã đóng dấu tròn và dấu chức danh giám đốc (chưa có chữ ký); 09 tờ hóa đơn GTGT (liên 2), 16 tờ hóa đơn GTGT (liên 1), 04 tờ hóa đơn GTGT (liên 3) và 06 tờ Bảng kê chi tiết vật tư hàng hóa của Công ty Đức T2.

Quá trình điều tra đã làm rõ được:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 10 năm 2019, Hoàng Văn M đã sử dụng 06 Công ty để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Gồm Công ty Đức T2 có MSDN: 0201830106, Công ty Toàn Th2 có MSDN: 0201829929, Công ty đầu tư và phát triển Thanh H1 có MSDN: 0201656183 (viết tắt là Công ty Thanh H1), Công ty TNHH TM&DV Đức Thái S có MSDN: 0201452366 (viết tắt là Công ty Đức Thái S), Công ty TNHH đầu tư thương mại và phát triển dịch vụ Hoàng Việt có MSDN: 0201574981 (viết tắt là Công ty Hoàng Việt), Công ty TNHH TMVT&VT Minh Th2 có MSDN:

0201315190 (viết tắt là Công ty Minh Th2). Cả 06 Công ty này, theo M khai báo M cùng mua của một phụ nữ tên Hương (hiện chưa xác định được lý lịch, địa chỉ). Quá trình M sử dụng 06 Công ty nêu trên để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT cụ thể như sau:

1. Tại công ty Minh Th2:

Tháng 8 năm 2014, Hoàng Văn M mua của một người phụ nữ tên Hương (hiện chưa xác định được lý lịch, địa chỉ) với giá 40 triệu đồng gồm 01 bộ con dấu, giấy phép đăng ký kinh doanh mang tên công ty Minh Th2 và 20 quyển hóa đơn GTGT, có địa chỉ trụ sở tại số 52 Đông Ch, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng và có giám đốc công ty tên là Nguyễn Công Ch1, sinh năm 1962, trú tại xóm 5, thôn Mỹ Giang, xã Kênh D, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. M thuê một phụ nữ tên Hòa làm kế toán (Hòa làm kế toán cho M từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 8 năm 2018 thì nghỉ. Hiện chưa xác định được lý lịch, địa chỉ của Hòa). M thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty này từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 8 năm 2015 và đã xuất bán trái phép 674 số hóa đơn GTGT của công ty Minh Th2 cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn là 81.615.353.173 đồng, với giá bán bằng 1,5% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn, thu được 1.224.230.298 đồng. Để hợp thức hóa đầu vào, M mua 300 số hóa đơn GTGT của các doanh nghiệp khác, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn 55.455.203.983 đồng, với giá mua bằng 1,1% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn, hết 610.007.244 đồng. Ngoài ra, M sử dụng 150 số hóa đơn GTGT của Công ty Hoàng Việt là Công ty của M để kê khai làm đầu vào cho Công ty Minh Th2 với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 25.626.961.500 đồng. Trong giai đoạn này, Công ty Minh Th2 đã nộp thuế là 100.809.724 đồng. Như vậy, tại Công ty Minh Th2, với sự giúp sức của Hòa, M mua 300 số hóa đơn GTGT, bán 674 số hóa đơn GTGT, hưởng lợi 513.413.330 đồng.

Tiến hành ghi lời khai của Nguyễn Công Ch1, Ch1 khai vào khoảng cuối năm 2013, Ch1 được một người phụ nữ tên Hương (không rõ lý lịch, địa chỉ) thuê đứng tên làm giám đốc, thành lập công ty Minh Th2, hứa trả công 2.000.000 đồng. Sau khi ký vào một số giấy tờ theo hướng dẫn của Hương thì Ch1 không gặp lại Hương. Ch1 không biết việc công ty Minh Th2 thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Ch1 cũng chưa được Hương trả công 2.000.000 đồng như đã hứa.

2. Tại công ty Hoàng V:

Tháng 5 năm 2015, Hoàng Văn M lại mua của người phụ nữ tên Hương trên với giá 40 triệu đồng gồm 01 bộ con dấu, giấy phép đăng ký kinh doanh mang tên công ty Hoàng V và 20 quyển hóa đơn GTGT, có địa chỉ trụ sở tại số 41 tổ 7 khu 2A, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng và có giám đốc công ty tên là Lê Văn T3, sinh năm 1966, trú tại đội 11 thôn Đồng Rôi, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. M thuê Hòa làm kế toán và thực hiện hành vi mua

bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty Hoàng V từ tháng 5 năm 2015 đến tháng 7 năm 2018. Tại Công ty Hoàng V, M đã xuất 993 số hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn là 376.392.785.980 đồng. Trong đó, xuất bán trái phép 43 số hóa đơn GTGT cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn là 5.197.522.499 đồng, với giá bán bằng 1,5% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn, thu được 77.962.837 đồng; xuất 950 số hóa đơn GTGT làm đầu vào cho các Công ty khác của M gồm Công ty Thanh H1 350 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 106.594.136.364 đồng; Công ty Đức Thái S 450 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 238.974.165.617 đồng và Công ty Minh Th2 150 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 25.626.961.500 đồng. Đồng thời, M mua 250 số hóa đơn GTGT của các doanh nghiệp, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn 374.079.063.499 đồng, với giá mua bằng 1,1% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn, hết 4.114.869.698 đồng. Trong giai đoạn này, Công ty Hoàng V đã nộp thuế là 547.944.795 đồng. Như vậy, tại Công ty Hoàng V, với sự giúp sức của Hòa, M đã mua 250 số Hóa đơn GTGT, bán 43 số hóa đơn GTGT và bị lỗ 4.584.851.656 đồng.

Tiến hành xác minh về đối tượng Lê Văn T3 hiện vắng mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai của T3.

3. Tại công ty Đức Thái S:

Tháng 8 năm 2015, Hoàng Văn M tiếp tục mua của người phụ nữ tên Hương trên với giá 40 triệu đồng gồm 01 bộ con dấu, giấy phép đăng ký kinh doanh mang tên công ty Đức Thái S và 30 quyển hóa đơn GTGT, có địa chỉ trụ sở tại số số số 8 E11 tập thể Chùa Vẽ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng và có giám đốc công ty tên là Nguyễn Văn Triệu, sinh năm 1965, trú tại số 12 Nam Pháp 1, phường Đằng Giang, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng. M thuê Hòa làm kế toán và thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty Đức Thái S từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 12 năm 2017. Tại Công ty Đức Thái S, M xuất bán trái phép 1.128 số hóa đơn GTGT cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn là 241.792.535.524 đồng, với giá bán bằng 1,5% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn, thu được 3.626.888.033 đồng. M đã dùng 450 số hóa đơn GTGT của Công ty Hoàng V để kê khai làm đầu vào cho Công ty Đức Thái S với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 238.974.165.617 đồng. Trong giai đoạn này, Công ty Đức Thái S đã nộp thuế là 413.711.363 đồng. Như vậy, tại Công ty Đức Thái S, với sự giúp sức của Hòa, M đã bán 1.128 số hóa đơn GTGT, hưởng lợi 3.213.176.670 đồng.

Tiến hành xác minh về đối tượng Nguyễn Văn Triệu hiện vắng mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai của Triệu.

4. Tại công ty Thanh H1

Tháng 4 năm 2016, Hoàng Văn M mua của người phụ nữ tên Hương trên với giá 40 triệu đồng gồm 01 bộ con dấu, giấy phép đăng ký kinh doanh mang tên công ty Thanh H1 và 20 quyền hóa đơn GTGT, có địa chỉ trụ sở tại số 14/19 đường Ngô Q, phường Máy Chai, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng và có giám đốc công ty tên là Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1966, trú tại số 01/119 đường Chùa Hàng, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. M thuê Hòa làm kế toán và thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 6 năm 2018. Tại Công ty Thanh H1, M xuất bán trái phép 632 số hóa đơn GTGT cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn là 119.722.649.139 đồng, với giá bán bằng 1,5% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn, thu được 1.795.839.737 đồng. Để hợp thức hóa đầu vào, M mua 20 số hóa đơn GTGT của các doanh nghiệp, ghi khống số tiền hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn là 7.009.292.930 đồng, với giá mua bằng 1,4% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn, hết 98.130.101 đồng. Ngoài ra, M dùng 350 số hóa đơn GTGT của Công ty Hoàng V để kê khai làm đầu vào cho Công ty Thanh H1 với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn là 106.594.136.364 đồng và dùng 13 số hóa đơn GTGT của Công ty Đức T2 để kê khai làm đầu vào cho Công ty Thanh H1 với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn là 4.949.900.000 đồng. Trong giai đoạn này, Công ty Thanh H1 đã nộp thuế là 240.931.986 đồng. Như vậy, tại Công ty Thanh H1, với sự giúp sức của Hòa, M đã bán 632 số hóa đơn GTGT, mua 20 số hóa đơn GTGT, hưởng lợi 1.456.777.650 đồng.

Tiến hành ghi lời khai của Nguyễn Thanh H1 (là đối tượng nghiệm ma túy, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy), H1 khai vào khoảng cuối năm 2015, H1 được một người phụ nữ tên Hương (hiện chưa xác định được lý lịch, địa chỉ) thuê đứng tên làm giám đốc, thành lập công ty Thanh H1. Sau khi ký vào một số giấy tờ theo hướng dẫn của Hương thì H1 được Hương trả công 8.000.000 đồng. Sau này H1 không gặp lại Hương và không biết việc Công ty Thanh H1 thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

5. Tại công ty Đức T2:

Tháng 7 năm 2018, Hoàng Văn M mua của người phụ nữ tên Hương trên với giá 40 triệu đồng gồm 01 bộ con dấu, giấy phép đăng ký kinh doanh mang tên công ty Đức T2 và 20 quyền hóa đơn GTGT, có địa chỉ trụ sở tại cụm 5, tổ dân phố Tiến Lộc, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng và có giám đốc công ty tên là Vũ Đoàn Đ, sinh năm 1980, trú tại số 8/6/61/476 đường Miếu Hai Xã, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. M thuê Hoàng Thị Th1 làm kế toán và thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 9 năm 2019. Tại Công ty Đức T2, M đã xuất 304 số hóa đơn GTGT, ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn là 119.373.259.409 đồng. Trong đó, xuất bán trái phép 250 số hóa đơn GTGT cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn là 95.829.159.409 đồng, với giá bán bằng 1,5% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn, thu được

1.437.437.391 đồng; xuất 54 số hóa đơn GTGT làm đầu vào cho các Công ty khác của M gồm Công ty Toàn Th2 41 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 18.594.200.000 đồng; Công ty Thanh H1 13 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 4.949.900.000 đồng. Đồng thời, để hợp thức hóa đầu vào M mua 57 số hóa đơn GTGT của các doanh nghiệp, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn 118.293.170.454 đồng, với giá mua bằng 1,3% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn, hết 1.537.811.216 đồng. Trong giai đoạn này, Công ty Đức T2 đã nộp thuế là 163.008.896 đồng. Như vậy, tại Công ty Đức T2, với sự giúp sức của Th1, M đã bán 250 số hóa đơn GTGT, mua 57 số hóa đơn GTGT, bị lỗ 263.008.896 đồng.

Tiến hành ghi lời khai của Vũ Đoàn Đ, Đ khai do bản thân là đối tượng nghiện ma túy nên vào khoảng tháng 7 năm 2017, Đ được một người phụ nữ tên Dung (hiện chưa xác định được lý lịch, địa chỉ) thuê đứng tên làm giám đốc, thành lập công ty Đức T2 với tiền công từ 2 đến 3 triệu đồng/tháng. Đ đồng ý. Sau khi ký vào một số giấy tờ theo hướng dẫn của Dung thì Đ được Dung cho 3 lần, tổng cộng là 800.000 đồng. Kể từ khi Đ ký xong thì Đ không gặp lại Dung, không biết việc công ty Đức T2 đã được thành lập và thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

6. Tại công ty Toàn Th2:

Cùng trong tháng 7 năm 2018, M mua của người phụ nữ tên Hương trên với giá 40 triệu đồng gồm 01 bộ con dấu, giấy phép đăng ký kinh doanh mang tên công ty Toàn Th2 và 10 quyển hóa đơn GTGT, có trụ sở đăng ký kinh doanh tại số 4/42/179 phố Lê Lợi, phường Lê Lợi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng, có Giám đốc là Ngô Thị Thúy Ng, sinh năm 1972, trú tại số 90/239 phố Lê Lợi, phường Lê Lợi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng. M thuê Hoàng Thị Th1 làm kế toán và thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 9 năm 2019. Tại Công ty Toàn Th2, M đã xuất bán trái phép 180 số hóa đơn GTGT cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn là 47.822.900.814 đồng, với giá bán bằng 1,5% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn, thu được 717.343.512 đồng. Để hợp thức hóa đầu vào, M mua 50 số hóa đơn GTGT của các doanh nghiệp, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn 28.732.484.049 đồng, với giá mua bằng 1,3% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn, hết 373.522.293 đồng. Ngoài ra, M đã sử dụng 41 số hóa đơn GTGT của Công ty Đức T2 để kê khai làm đầu vào cho Công ty Toàn Th2 với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 18.594.200.000 đồng. Trong giai đoạn này, Công ty Toàn Th2 đã nộp thuế là 105.421.676 đồng. Như vậy, tại Công ty Toàn Th2, với sự giúp sức của Th1, M đã bán 180 số hóa đơn GTGT, mua 50 số hóa đơn GTGT, hưởng lợi 238.399.543 đồng.

Tiến hành xác minh về đối tượng Ngô Thị Thúy Ng hiện vắng mặt tại nơi cư trú. Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai của Ng.

Quá trình thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT, ngoài Hoàng Thị Th1 làm thuê cho M đã bị phát hiện, khởi tố điều tra cùng với M, theo M khai còn có đối tượng tên Hòa đã làm thuê, giúp sức cho M thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn từ tháng 9 năm 2014 đến hết tháng 8 năm 2018 thì nghỉ. Đối tượng Hương đã bán các công ty trên cho M. Hiện chưa xác định được lý lịch, địa chỉ của Hòa, Hương nên không triệu tập được để điều tra làm rõ, lập hồ sơ xử lý các đối tượng trên.

Căn cứ vào sổ hóa đơn đã thu giữ và tài liệu do Cơ quan thuế cung cấp, Cơ quan điều tra đã xác định được có 23 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn GTGT do Hoàng Văn M bán ra để kê khai làm chứng từ đầu vào. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh tại 13 Công ty. Kết quả: triệu tập lấy lời khai được 10 giám đốc hoặc người đại diện của công ty. Những người này đều trình bày có hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ thật và được bên bán cung cấp hóa đơn, chứng từ của các công ty kèm theo; xác minh 03 Công ty có giám đốc vắng mặt tại địa phương nên chưa lấy được lời khai. Đối với 10 doanh nghiệp còn lại, Cơ quan điều tra đã triệu tập nhưng do lý do khách quan nên chưa thực hiện ghi được lời khai của giám đốc hoặc đại diện doanh nghiệp.

Như vậy, đã xác định được: Đối với Hoàng Văn M: đã bán trái phép tổng số 2.907 sổ hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 591.980.120.558 đồng, thuế suất 10%; với giá bán bằng 1,5% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn thu được số tiền là 8.879.701.808 đồng. Để hợp thức hóa đầu vào, M đã mua 677 sổ hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 583.569.214.915 đồng, thuế suất 10%, với giá từ 1,1% đến 1,4% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn, hết số tiền là 6.734.340.552 đồng. M chi phí thuê kế toán và trả tiền cho một số đối tượng khác giao dịch ngân hàng hết số tiền là 136.000.000 đồng (bao gồm trả lương cho Hoàng Thị Th1 hết 50.000.000 đồng; trả lương cho đối tượng tên Hòa và trả phí cho một số đối tượng khác đi giao dịch tại ngân hàng giúp cho M hết 86.000.000 đồng); nộp ngân sách nhà nước hết số tiền là 1.571.828.442 đồng. Như vậy, tổng số tiền M thu lợi bất chính được từ việc môi giới, mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại các công ty trên là 437.532.814 đồng.

Trong quá trình điều tra Hoàng Văn M khai đã bỏ ra 240.000.000 đồng để mua lại các bộ con dấu, giấy tờ, chứng từ, hóa đơn của 06 Công ty nêu trên từ đối tượng tên Hương. Về tình tiết trên, ngoài lời khai của Hoàng Văn M không có tài liệu chứng cứ nào khác, mặt khác M khai các khoản chi phí như trên là không hợp lý nên không được chấp nhận trừ vào khoản chi phí.

Đối với Hoàng Thị Th1: được Hoàng Văn M thuê từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 9 năm 2019, công việc của Th1 là làm kế toán tổng hợp, nhận lượng hàng hóa, số tiền, tên mặt hàng ghi không, tên công ty số lượng hóa đơn GTGT của người mua hóa đơn, sau đó phân sổ, chia lượng viết hóa đơn GTGT tại các Công ty Đức T2 và Toàn Th2. Trong thời gian này, Hoàng Thị Th1 biết rõ M sử dụng các Công ty Đức

T2, Toàn Th2 vào mục đích mua bán trái phép hóa đơn GTGT nhưng vẫn giúp sức cho M bán trái phép 430 số hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn là 143.652.060.223 đồng và mua 107 số hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn là 147.025.654.503 đồng. Th1 đã được M trả công cho 50.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ điểm b, d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử:

Bị cáo **Hoàng Văn M**: 30 (*Ba mươi*) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (Trừ cho bị cáo các ngày bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 23 tháng 10 năm 2019; tạm giữ từ ngày 24 tháng 10 năm 2019; thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 01 tháng 11 năm 2019).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt bị cáo Hoàng Thị Th1; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/7/2020, bị cáo Hoàng Văn M kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Hoàng Văn M vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử công bố đơn kháng cáo của bị cáo; trong đơn kháng cáo, bị cáo xin giảm hình phạt với lý do đang mắc bệnh hiểm nghèo (BL2282). Hội đồng xét xử phúc thẩm đã công bố lại toàn văn Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; công bố lời khai của bị cáo Hoàng Văn M, biên bản xác minh nhân thân, lý lịch bị cáo và lời khai của Hoàng Thị Th1 thể hiện cùng tham gia thực hiện hành vi mua bán hóa đơn, chứng từ với bị cáo M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham dự phiên tòa có quan điểm về vụ án như sau:

Về sự vắng mặt của bị cáo: Tòa đã triệu tập hợp lệ 02 lần bị cáo đều vắng mặt không lý do; bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật xét xử vắng mặt đối với bị cáo và đề nghị không làm xấu tình trạng của bị cáo.

Căn cứ vào tài liệu hồ sơ vụ án, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm quy kết xét xử bị cáo đúng người, đúng tội, không oan và căn cứ xác định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, từ đó đã xử phạt bị cáo 30 tháng tù là phù hợp, tương xứng với hành vi

phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa thì bị cáo cũng không cung cấp cho Tòa án tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên, Toàn án nhân dân thành phố Hải Phòng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Văn M vắng mặt. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm đã tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập hợp lệ cho bị cáo là đảm bảo các quyền của bị cáo theo quy định của pháp luật, việc vắng mặt bị cáo Hoàng Văn M không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo và cũng không gây trở ngại cho việc xét xử. Đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn M trong hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Do đó, căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xem xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 9 năm 2019, Hoàng Văn M đã bán trái phép 2.907 số hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 591.980.120.558 đồng với giá bán bằng 1,5% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn thu được số tiền là 8.879.701.808 đồng và mua 677 số hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 583.569.214.915 đồng, hưởng lợi 437.532.814 đồng. Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 9 năm 2019, Hoàng Thị Th1 đã giúp sức cho Hoàng Văn M trong việc thực hiện hành vi mua trái phép 107 số hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn là 147.025.654.503 đồng và bán trái phép 430 số hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn là 143.652.060.223 đồng, hưởng lợi bất chính là 50.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” quy định tại điểm b,d,đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến Ngân sách Nhà nước, gây mất trật tự trị an. Chính vì vậy phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo: Hoàng Văn M là người trực tiếp mua lại các công ty, chỉ đạo, thuê bị cáo Hoàng Thị Thái làm kế toán nhằm mục đích mua bán trái phép hóa đơn chứng từ với số tiền thu lợi bất chính lớn, do đó vai trò bị cáo là cao nhất. Bị cáo Hoàng Văn M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Thị Thái đã khắc phục hậu quả nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính cụ thể: Bị cáo Hoàng Văn M nộp lại số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo Thái đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 50.000.000 đồng; bị cáo Hoàng Văn M đang bị ung thư gan (có hồ sơ bệnh án); đây các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo M là có căn cứ.

Khi quyết định mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên để xử phạt bị cáo mức án 30 tháng tù là có căn cứ, tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn M kháng cáo không được chấp nhận cho nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn M; giữ nguyên của Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đối với bị cáo Hoàng Văn M, cụ thể như sau:

Căn cứ điểm b, d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Hoàng Văn M** 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước”. Thời

hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (Trừ cho bị cáo các ngày bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 23 tháng 10 năm 2019; tạm giữ từ ngày 24 tháng 10 năm 2019; thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 01 tháng 11 năm 2019).

2. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng;
- Cục T.H.A DS TP Hải Phòng;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học

